

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 101/2020/HS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cảnh Liêm: Chủ tịch Hội cựu chiến binh phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

2. Ông Nguyễn Đình Thọ: Giáo viên hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh là Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Phan Văn T., tên gọi khác: C. sinh năm 1997 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Tổ 9, khu vực 8, phường N., TP. Q., tỉnh B.; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Phan Đồng H. sinh năm 1973 và bà Trương Thị N. sinh năm 1971; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Bị hại:

Ông Bùi Minh H. sinh năm 1968; Trú tại: Tổ 9, khu vực 8, phường N., TP. Q., tỉnh B.; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 19/6/2020, Phan Văn T. đang ở phía sau nhà tại tổ 9, khu vực 8, phường N., TP. Q., tỉnh B. thì thấy ông Bùi Minh H. đi ra khỏi xưởng cơ khí H. cạnh nhà T. nên nảy sinh ý định đột nhập vào trong xưởng tìm tài sản

lấy trộm. Phan Văn T. leo qua hàng rào lưới B40 vào bên trong xưởng H., đến chỗ ông H. treo quần áo, lục túi quần tìm tài sản. Thấy trong túi quần của ông H. có 01 ví da bên trong có 12.800.000 đồng, T. toàn bộ số tiền này, cắt ví da vào lại túi quần rồi theo lối cũ đi ra ngoài. Số tiền trộm được T. tiêu xài hết 5.000.000 đồng, số còn lại cất giấu trong nhà.

Khi phát hiện mất tiền, ông H. nghi ngờ Phan Văn T. nên gọi điện thoại cho mẹ T. là bà Trương Thị N. về nhà kiểm tra, phát hiện số tiền 7.800.000 đồng T. cất giấu trong giỏ quần áo trong phòng T. nên hỏi T. và T. thừa nhận đã lấy của ông H. 12.800.000 đồng. Sau đó T. mang số tiền 7.800.000 đồng trả lại cho ông H. và bồi thường cho ông H. số tiền 5.000.000 đồng đã chi tiêu. Ông H. không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 111/CT - VKSQN ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố Phan Văn T. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Phan Văn T. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm 12.800.000 đồng của ông Bùi Minh H. vào chiều ngày 09/6/2020 tại xưởng cơ khí của ông thuộc tổ 9, khu vực 8, phường N., TP. Q., tỉnh B. nên Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn một phần tài sản bị cáo trộm cắp bị thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã bồi thường số tài sản bị cáo đã sử dụng cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q., Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q., Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phan Văn T. có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện

kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật, lười lao động nên không tìm kiếm việc làm để có thu nhập nuôi sống bản thân, giúp đỡ gia đình, bị cáo đã lợi dụng lúc ông Bùi Minh H. đi ra khỏi xưởng cơ khí H. của ông thuộc tổ 9, khu vực 8, phường N., TP. Q., tỉnh B. vào chiều ngày 09/6/2020, lén lút treo rào vào bên trong xưởng lấy 12.800.000 đồng trong chiếc ví da ông H. để trong túi quần nên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm. Qua lời khai của bà Trương Thị N. mẹ bị cáo tại phiên tòa và bị cáo thừa nhận thì bị cáo có sử dụng “Cỏ” là chất gây nghiện nên trạng thái tinh thần của bị cáo đôi lúc không ổn định, đã được gia đình đưa đi bệnh viện tâm thần để kiểm tra nhưng sức khỏe bị cáo không bị ảnh hưởng. Gia đình đã tạo điều kiện để bị cáo có việc làm, có thu nhập nhưng bị cáo không làm hoặc chỉ làm một thời gian ngắn rồi bỏ. Bị cáo phạm tội là do cần tiền ăn chơi, tiêu xài nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã trả lại và bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử bị cáo với mức án có lý, có tình để bị cáo an tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập cộng đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai được bạn bè cho “Cỏ” để sử dụng, không biết đó là chất gì, bạn bị cáo không có ở địa phương nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Bồi thường thiệt hại:

Ông H. đã nhận lại và được bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

[4] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn T. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Phan Văn T. 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phan Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

